



Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 055188 ngày 23 tháng 8 năm 1999

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Công ty đã được điều chỉnh 10 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200580975 ngày 11 tháng 2 năm 2015.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch
Bà Trịnh Thị Ngọc Biên	Ủy viên
Ông Đậu Công Lưu	Ủy viên
Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên
Ông Đỗ Hồng Trường	Ủy viên
Ông Vũ Trường Giang	Ủy viên
Ông Mai Tiến Sỹ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Tạ Kim Chi	Trưởng ban
Bà Đặng Thúy Định	Thành viên
Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Văn phòng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, **29 -08- 2016**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Văn phòng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29-08-2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được kiểm toán và soát xét.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-149-1



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2016**

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		108.162.523.884	114.349.300.195
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	8.486.049.209	8.368.839.234
Tiền	111		3.486.049.209	1.368.839.234
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.334.057.300	3.429.033.444
Chứng khoán kinh doanh	121	9(b)	2.405.859.180	2.407.811.197
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(b)	(1.071.801.880)	(978.777.753)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.503.106.588	101.528.799.221
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	5.385.580.173	5.032.799.009
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		469.017.580	7.778.948.052
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	11	88.744.052.454	87.943.415.855
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	925.807.961	794.987.885
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(21.351.580)	(21.351.580)
Hàng tồn kho	140	14	313.118.417	410.125.407
Hàng tồn kho	141		313.118.417	410.125.407
Tài sản ngắn hạn khác	150		526.192.370	612.502.889
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	226.192.370	189.760.313
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	422.742.576
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20(a)	300.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		47.836.252.154	59.228.483.652
Tài sản cố định	220		17.481.000.465	18.823.563.361
Tài sản cố định hữu hình	221	15	17.481.000.465	18.823.563.361
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>41.882.186.218</i>	<i>41.882.186.218</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(24.401.185.753)</i>	<i>(23.058.622.857)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.363.111.361	122.545.455
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	7.363.111.361	122.545.455
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(c)	16.130.317.064	35.340.307.522
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		3.600.000.000	3.600.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.594.424.002	33.594.424.002
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.064.106.938)	(1.854.116.480)
Tài sản dài hạn khác	260		6.861.823.264	4.942.067.314
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	4.791.846.088	4.942.067.314
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	2.069.977.176	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		155.998.776.038	173.577.783.847

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		10.714.654.912	8.283.771.746
Nợ ngắn hạn	310		10.714.654.912	8.283.771.746
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	2.565.478.228	4.032.557.817
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.788.553	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(b)	300.430.319	3.486.794.463
Phải trả người lao động	314		-	304.543.744
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	90.909.091
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	7.167.557.599	137.088.449
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	678.400.213	231.878.182
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		145.284.121.126	165.294.012.101
Vốn chủ sở hữu	410	23	145.284.121.126	165.294.012.101
Vốn cổ phần	411	24	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	16.439.056.399	11.860.285.499
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.845.084.727	43.433.746.602
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ/năm trước	421a		32.453.676.816	34.135.856.434
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		(13.608.592.089)	9.297.890.168
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		155.998.776.038	173.577.783.847

29 -08- 2016

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2016

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	21.852.226.424	26.877.219.819
Giá vốn hàng bán	11	29	15.933.452.783	19.150.915.162
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		5.918.773.641	7.726.304.657
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.035.893.193	859.555.071
Chi phí tài chính	22	31	19.312.821.051	6.955.781
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	3.319.004.048	2.994.674.734
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		(15.677.158.265)	5.584.229.213
Thu nhập khác	31		-	26.967.705
Chi phí khác	32		487.000	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(487.000)	26.967.705
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(15.677.645.265)	5.611.196.918
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	924.000	2.129.632.621
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(2.069.977.176)	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(13.608.592.089)	3.481.564.297

29 -08- 2016

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(15.677.645.265)	5.611.196.918
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.447.023.644	1.044.595.061
Các khoản dự phòng	03		19.303.014.585	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.035.767.807)	(856.698.812)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.036.625.157	5.799.093.167
Biến động các khoản phải thu	09		12.430.388.285	6.391.000.184
Biến động hàng tồn kho	10		97.006.990	504.628.069
Biến động các khoản phải trả	11		(1.467.522.434)	(162.927.608)
Biến động chi phí trả trước	12		9.328.421	23.759.621
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		1.952.017	-
			15.107.778.436	12.555.553.433
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.705.920.141)	(3.457.527.847)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		101.698.822	203.670.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.301.788.431)	(1.449.758.472)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.201.768.686	7.851.937.114

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

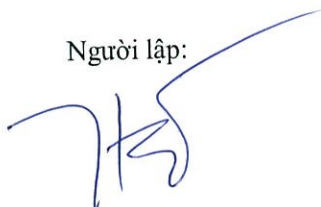
Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	
			Chưa soát xét	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(7.240.565.906)	(18.000.000)
	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	1.073.845.585	905.901.590
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.166.720.321)	887.901.590
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	Tiền trả cổ tức	36	(3.917.838.390)	(8.745.997.600)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.917.838.390)	(8.745.997.600)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	117.209.975	(6.158.896)
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8.368.839.234	11.217.565.499
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8.486.049.209	11.211.406.603

29 -08- 2016

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

(b) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 5 đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại tỉnh Quảng Ninh	Số 10, đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hà Nội	Tòa nhà Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng Hải Quốc tế Hà Nội – OCEAN PARK, số 1, Phố Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	B8 Trần Bình Trọng, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ môi giới thuê tàu biển;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan, kinh doanh xăng dầu; và
- Dịch vụ cho thuê container.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Công ty có 79 nhân viên (1/1/2016: 80 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa bao gồm báo cáo tài chính của các chi nhánh phụ thuộc của Công ty. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Văn phòng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư vào công ty công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Văn phòng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Văn phòng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí bán hàng.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	4 – 7 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Văn phòng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Văn phòng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Văn phòng Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

6. Các khoản mục bất thường

Văn phòng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Tiền mặt	640.917.035	599.713.285
Tiền gửi ngân hàng	2.845.132.174	769.125.949
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	7.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	8.486.049.209	8.368.839.234
	<hr/>	<hr/>

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016 và 1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND Chưa kiểm toán
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	2.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 bị hạn chế sử dụng theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2016			1/1/2016				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu								Chưa kiểm toán
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	7.920	253.832.500	164.736.000	89.096.500	7.920	253.832.500	175.824.000	78.008.500
▪ Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (GMD)	4.995	203.749.750	134.365.500	69.384.250	3.330	203.749.750	141.192.000	62.557.750
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE) (*)	22.160	742.568.430	454.280.000	288.288.430	19.272	742.645.500	485.654.400	256.991.100
▪ Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	-	-	-	-	5	85.344	146.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ FPT (FPT) (*)	4.131	237.948.000	172.675.800	65.272.200	3.593	237.948.000	173.541.900	64.406.100
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS)	-	-	-	-	74	1.789.603	1.235.800	553.803
▪ Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	36.000.000	236.760.500	15.000	272.760.500	34.500.000	238.260.500
▪ Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	22.000.000	173.000.000	10.000	195.000.000	27.000.000	168.000.000
▪ Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam (VLG)	50.000	500.000.000	350.000.000	150.000.000	50.000	500.000.000	400.000.000	110.000.000
		2.405.859.180	1.334.057.300	1.071.801.880		2.407.811.197	1.439.094.100	978.777.753

(*) Số lượng cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ FPT tăng thêm là do cổ tức nhận được bằng cổ phiếu.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016			1/1/2016					
	Địa chỉ	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:									
▪ Công ty liên kết									
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu	Hải Phòng	27,7%	3.600.000.000	-	(*)	27,7%	3.600.000.000	-	(*)
▪ Đơn vị khác									
• Công TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines	Hải Phòng	11,3%	33.594.424.002	21.064.106.938	(*)	11,3%	33.594.424.002	1.854.116.480	(*)
			<u>37.194.424.002</u>	<u>21.064.106.938</u>	<u>(*)</u>		<u>37.194.424.002</u>	<u>1.854.116.480</u>	<u>(*)</u>

(*) Văn phòng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	760.512.000	768.997.790
Công ty TNHH Hanjin Shipping Việt Nam	596.129.297	465.970.849
Các khách hàng khác	4.028.938.876	3.797.830.370
	<hr/> 5.385.580.173	<hr/> 5.032.799.009 <hr/>

11. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Chi nhánh Hà Nội	4.412.944.920	7.754.959.696
Chi nhánh Hồ Chí Minh	73.910.673.097	71.304.611.623
Chi nhánh Vũng Tàu	10.420.434.437	8.883.844.536
	<hr/> 88.744.052.454	<hr/> 87.943.415.855 <hr/>

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Tạm ứng	556.295.169	382.972.831
Tạm ứng vật tư	155.855.476	159.585.600
Phải thu người lao động	104.370.178	112.191.807
Các khoản chi hộ	97.087.519	83.542.875
Phải thu tiền lãi	6.222.222	44.300.000
Phải thu khác	5.977.397	12.394.772
	<hr/> 925.807.961	<hr/> 794.987.885 <hr/>

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016		1/1/2016		Giá trị có thể thu hồi
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi	
Nợ quá hạn					
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	trên 3 năm	34.000.000	-	34.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Hàng Hoa VN	trên 3 năm	10.938.720	10.938.720	10.938.720	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Chiến Thắng	trên 3 năm	5.462.860	5.462.860	5.462.860	-
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	trên 3 năm	4.950.000	4.950.000	4.950.000	-
Nợ quá hạn khác (*)	1 – 2 năm 6 tháng – 1 năm	8.921.190	-	8.921.190	-
Nợ quá hạn khác (*)		27.116.500	-	27.116.500	-
		91.389.270	21.351.580	70.037.690	21.351.580
					42.921.190
<i>Trong đó:</i>					
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			21.351.580		21.351.580

(*) Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng những khoản nợ quá hạn này vẫn có khả năng thu hồi nên Văn phòng Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC cho những khoản này.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Nguyên vật liệu	79.034.366	116.810.079
Hàng hóa	234.084.051	293.315.328
	<hr/>	<hr/>
	313.118.417	410.125.407
	<hr/>	<hr/>

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	22.171.870.064	10.091.397.929	9.181.231.863	52.231.818	385.454.544	41.882.186.218
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ (chưa kiểm toán)	10.972.916.043	6.911.397.929	4.911.849.803	52.231.818	210.227.264	23.058.622.857
Khấu hao trong kỳ	405.993.318	318.000.000	560.160.490	-	58.409.088	1.342.562.896
Số dư cuối kỳ	11.378.909.361	7.229.397.929	5.472.010.293	52.231.818	268.636.352	24.401.185.753
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ (chưa kiểm toán)	11.198.954.021	3.180.000.000	4.269.382.060	-	175.227.280	18.823.563.361
Số dư cuối kỳ	10.792.960.703	2.862.000.000	3.709.221.570	-	116.818.192	17.481.000.465

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 12.892 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 11.414 triệu VND).

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND Chưa kiểm toán
Số dư đầu kỳ/năm (chưa kiểm toán)	122.545.455	104.545.455
Tăng trong kỳ/năm	7.240.565.906	18.000.000
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	7.363.111.361	122.545.455
<hr/>		
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Dự án Văn phòng làm việc phía Nam	7.240.565.906	-
Dự án Bãi Container Đình Vũ	122.545.455	122.545.455
	<hr/>	<hr/>
	7.363.111.361	122.545.455
<hr/>		

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Bảo hiểm xe	212.714.370	158.992.313
Phí cầu đường	13.478.000	30.768.000
	<hr/>	<hr/>
	226.192.370	189.760.313
<hr/>		

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ (chưa kiểm toán)	4.568.419.257	373.648.057	4.942.067.314
Phân bổ trong kỳ	(104.460.748)	(45.760.478)	(150.221.226)
Số dư cuối kỳ	4.463.958.509	327.887.579	4.791.846.088

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Giá trị thuế của các khoản lỗ trong kỳ	2.069.977.176	-

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Công ty Xăng dầu Khu vực III – TNHH MTV	662.887.000	503.598.685
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	319.018.667	408.478.667
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Đức Phát	197.750.000	439.097.000
Các nhà cung cấp khác	1.385.822.561	2.681.383.465
	2.565.478.228	4.032.557.817

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Văn phòng Công ty có khả năng thanh toán tất cả các khoản phải trả người bán. Tại ngày báo cáo, Văn phòng Công ty không có các khoản phải trả quá hạn.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
	Chưa kiểm toán			
Thuế giá trị gia tăng	-	2.203.317.193	(1.918.034.208)	285.282.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.404.996.141	924.000	(3.405.920.141)	-
Thuế thu nhập cá nhân	81.798.322	516.276.167	(582.927.155)	15.147.334
Tiền thuê đất	-	1.078.148.000	(1.078.148.000)	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	3.486.794.463	3.802.665.360	(6.989.029.504)	300.430.319

21. Phải trả khác ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Cổ tức phải trả cho công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	4.236.160.410	-
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	2.645.998.800	-
Kinh phí công đoàn	75.398.373	137.009.065
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	210.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	16	79.384
	7.167.557.599	137.088.449

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND Chưa kiểm toán
Số dư đầu kỳ/năm (chưa kiểm toán)	231.878.182	1.104.889.628
Trích lập trong kỳ/năm	1.921.332.140	2.128.818.315
Thu khác	101.698.822	216.720.000
Sử dụng trong kỳ/năm	(1.301.788.431)	(2.155.927.706)
Điều chuyển quỹ về các chi nhánh	(274.720.500)	(1.062.622.055)
Số dư cuối năm	678.400.213	231.878.182

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 (chưa kiểm toán)	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	8.291.597.584	41.869.100.700	160.160.678.284
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.481.564.297	3.481.564.297
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.568.687.915	(3.568.687.915)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.505.166.705)	(1.505.166.705)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (chưa soát xét)	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	11.860.285.499	29.476.812.777	151.337.078.276
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 (chưa kiểm toán)	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	11.860.285.499	43.433.746.602	165.294.012.101
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(13.608.592.089)	(13.608.592.089)
Lợi nhuận chuyển về từ các chi nhánh	-	-	-	-	6.256.797.387	6.256.797.387
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.515.537.433	(4.515.537.433)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.921.332.140)	(1.921.332.140)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
Khác	-	-	-	63.233.467	-	63.233.467
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.439.056.399	18.845.084.727	145.284.121.126

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016 (chưa kiểm toán)	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	2	20.000	2	20.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	8.999.998	89.999.980.000	8.999.998	89.999.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 10.800 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 10.800 triệu VND).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.035.810.000	2.035.810.000
Trong vòng hai đến năm năm	8.143.240.000	8.143.240.000
Sau năm năm	33.857.499.000	34.875.404.000
	44.036.549.000	45.054.454.000

(b) Ngoại tệ

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	28.440,13	628.623.119	154,72	3.474.238

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu		Chưa soát xét
▪ Bán hàng	4.571.263.909	8.317.801.053
▪ Cung cấp dịch vụ	17.280.962.515	18.559.418.766
Doanh thu thuần	21.852.226.424	26.877.219.819

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	4.411.141.340	8.182.486.374
▪ Dịch vụ đã cung ứng	11.522.311.443	10.968.428.788
	15.933.452.783	19.150.915.162

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi	106.242.807	136.698.812
Cổ tức được chia	929.525.000	720.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.730	2.856.259
Khác	93.656	-
	1.035.893.193	859.555.071

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	93.586.600	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	19.209.990.458	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.084.826	6.955.781
Chi phí tài chính khác	159.167	-
	19.312.821.051	6.955.781

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên quản lý	1.606.338.946	1.880.019.892
Chi phí khấu hao	16.824.348	-
Chi phí bằng tiền khác	1.353.170.966	424.408.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	323.459.788	671.826.544
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.210.000	18.420.000
	3.319.004.048	2.994.674.734

33. Chi phí sản xuất thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.411.141.340	8.182.486.374
Chi phí nhân công	6.052.976.097	6.032.310.554
Chi phí khấu hao	1.447.023.644	1.044.595.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.150.514.912	3.700.684.191
Chi phí khác	3.190.800.838	3.185.513.716

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	-	2.129.632.621
Dự phòng thiếu trong những năm trước	924.000	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(2.069.977.176)	-
	(2.069.053.176)	2.129.632.621

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.677.645.265)	5.611.196.918
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(3.135.529.053)	1.234.463.322
Chi phí không được khấu trừ thuế	97.400	-
Thu nhập không bị tính thuế	(185.905.000)	(158.400.000)
Thuế phát sinh từ các chi nhánh	1.251.359.477	1.053.569.299
Dự phòng thiếu trong những năm trước	924.000	-
	(2.069.053.176)	2.129.632.621

(c) Thuế suất áp dụng

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Văn phòng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Cổ tức đã trả	1.254.000.000	-
Cổ tức được chia	5.508.000.000	5.508.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát		
và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	775.100.108	502.415.484

29 -08- 2016

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

